

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Cấp thực hiện	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ công bố	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ QTNB	Văn bản cập nhật PDG	Số quy trình	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Trạng thái	QĐ công bố DVCTT	TT/MP	Đơn giản hóa	Thời gian thực hiện theo quy trình	Tỷ lệ thời gian cắt giảm	Thời gian giải quyết sau cắt giảm	Thực hiện công Bộ TC	QĐ của Bộ TC	QĐ của tỉnh	Cấp đc phân	DVCQG
1	2.001610	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	11212/TTr-STC ngày 12/8/2026	3008/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	13017/TTr-STC ngày 09/09/2026	3300/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng /lần theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT					1399/QĐ-BTC				
2	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	11212/TTr-STC ngày 12/8/2026	3008/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	13017/TTr-STC ngày 09/09/2026	3300/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng /lần theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT					1399/QĐ-BTC				
3	2.001199	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	11212/TTr-STC ngày 12/8/2026	3008/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	13017/TTr-STC ngày 09/09/2026	3300/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng /lần theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT					1399/QĐ-BTC				
4	2.002043	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	11212/TTr-STC ngày 12/8/2026	3008/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	13017/TTr-STC ngày 09/09/2026	3300/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng /lần theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT					1399/QĐ-BTC				

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Cấp thực hiện	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ công bố	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ QTNB	Văn bản cập nhật PDG	Số quy trình	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Trạng thái	QĐ công bố DVCTT	TT/MP	Đơn giản hóa	Thời gian thực hiện theo quy trình	Tỷ lệ thời gian cắt giảm	Thời gian giải quyết sau cắt giảm	Thực hiện công Bộ TC	QĐ của Bộ TC	QĐ của tỉnh	Cấp đc phân	DVCQG
5	2.002042	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	11212/TTr-STC ngày 12/8/2026	3008/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	13017/TTr-STC ngày 09/09/2026	3300/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng /lần theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT				1399/QĐ-BTC					
6	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, đăng ký đổi tên của doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	11212/TTr-STC ngày 12/8/2026	3008/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	13017/TTr-STC ngày 09/09/2026	3300/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	Trong thời hạn 2,7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng /lần theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2234/QĐ-UBND ngày 26/6/2026	3	10%	2.7	1399/QĐ-BTC				
7	2.002011	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh, đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	11212/TTr-STC ngày 12/8/2026	3008/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	13017/TTr-STC ngày 09/09/2026	3300/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	Trong thời hạn 2,7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng /lần theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2234/QĐ-UBND ngày 26/6/2026	3	10%	2.7	1399/QĐ-BTC				
8	2.002009	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	11212/TTr-STC ngày 12/8/2026	3008/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	13017/TTr-STC ngày 09/09/2026	3300/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		2	- Trường hợp đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh: Trong thời hạn 2.7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng /lần theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2234/QĐ-UBND ngày 26/6/2026	3	10%	2.7	1399/QĐ-BTC				

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Cấp thực hiện	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ công bố	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ QTNB	Văn bản cập nhật PDG	Số quy trình	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Trạng thái	QĐ công bố DVCTT	TT/MP	Đơn giản hóa	Thời gian thực hiện theo quy trình	Tỷ lệ thời gian cắt giảm	Thời gian giải quyết sau cắt giảm	Thực hiện công Bộ TC	QĐ của Bộ TC	QĐ của tỉnh	Cấp đc phân	DVCQG
9	2.002044	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông sáng lập, thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, thông tin để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (của công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	11212/TTr-STC ngày 12/8/2026	3008/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	13017/TTr-STC ngày 09/09/2026	3300/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		2	- 2.7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thay đổi thông tin cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. - 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thay đổi thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng /lần theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2234/QĐ-UBND ngày 26/6/2026	3	10%	2.7	1399/QĐ-BTC				
10	2.002069	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	11212/TTr-STC ngày 12/8/2026	3008/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	13017/TTr-STC ngày 09/09/2026	3300/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	Trong thời hạn 2,7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng /lần theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT				1399/QĐ-BTC					
11	2.002031	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chuyển sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	11212/TTr-STC ngày 12/8/2026	3008/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	13017/TTr-STC ngày 09/09/2026	3300/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	Trong thời hạn 2,7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng /lần theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT				1399/QĐ-BTC					

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Cấp thực hiện	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ công bố	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ QTNB	Văn bản cập nhật PDG	Số quy trình	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Trạng thái	QĐ công bố DVCTT	TT/MP	Đơn giản hóa	Thời gian thực hiện theo quy trình	Tỷ lệ thời gian cắt giảm	Thời gian giải quyết sau cắt giảm	Thực hiện công Bộ TC	QĐ của Bộ TC	QĐ của tỉnh	Cấp đc phân	DVCQG
12	2.002045	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	11212/TTr-STC ngày 12/8/2026	3008/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	13017/TTr-STC ngày 09/09/2026	3300/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng /lần theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT					1399/QĐ-BTC				
13	1.010026	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn là tổ chức, cổ đông là tổ chức nước ngoài	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	11212/TTr-STC ngày 12/8/2026	3008/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	13017/TTr-STC ngày 09/09/2026	3300/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	Trong thời hạn 2,7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Miễn lệ phí (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2234/QĐ-UBND ngày 26/6/2026	3	10%	2,7	1399/QĐ-BTC				
14	2.002085	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	11212/TTr-STC ngày 12/8/2026	3008/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	13017/TTr-STC ngày 09/09/2026	3300/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng /lần theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT					1399/QĐ-BTC				
15	2.002060	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	11212/TTr-STC ngày 12/8/2026	3008/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	13017/TTr-STC ngày 09/09/2026	3300/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	Trong thời hạn 2,7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng /lần theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2234/QĐ-UBND ngày 26/6/2026	3	10%	2,7	1399/QĐ-BTC				

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Cấp thực hiện	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ công bố	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ QTNB	Văn bản cập nhật PDG	Số quy trình	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Trạng thái	QĐ công bố DVCTT	TT/MP	Đơn giản hóa	Thời gian thực hiện theo quy trình	Tỷ lệ thời gian cắt giảm	Thời gian giải quyết sau cắt giảm	Thực hiện công Bộ TC	QĐ của Bộ TC	QĐ của tỉnh	Cấp đc phân	DVCQG
16	2.002057	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	11212/TTr-STC ngày 12/8/2026	3008/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	13017/TTr-STC ngày 09/09/2026	3300/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng /lần theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT					1399/QĐ-BTC				
17	2.002034	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	11212/TTr-STC ngày 12/8/2026	3008/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	13017/TTr-STC ngày 09/09/2026	3300/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	Trong thời hạn 2,7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng /lần theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2234/QĐ-UBND ngày 26/6/2026	3	10%	2.7	1399/QĐ-BTC				
18	2.002032	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	11212/TTr-STC ngày 12/8/2026	3008/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	13017/TTr-STC ngày 09/09/2026	3300/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	Trong thời hạn 2,7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng /lần theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2234/QĐ-UBND ngày 26/6/2026	3	10%	2.7	1399/QĐ-BTC				
19	2.002033	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	11212/TTr-STC ngày 12/8/2026	3008/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	13017/TTr-STC ngày 09/09/2026	3300/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	Trong thời hạn 2,7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng /lần theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2234/QĐ-UBND ngày 26/6/2026	3	10%	2.7	1399/QĐ-BTC				

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Cấp thực hiện	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ công bố	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ QTNB	Văn bản cập nhật PDG	Số quy trình	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Trạng thái	QĐ công bố DVCTT	TT/MP	Đơn giản hóa	Thời gian thực hiện theo quy trình	Tỷ lệ thời gian cắt giảm	Thời gian giải quyết sau cắt giảm	Thực hiện công Bộ TC	QĐ của Bộ TC	QĐ của tỉnh	Cấp đc phân	DVCQG
20	2.002018	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	11212/TTr-STC ngày 12/8/2026	3008/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	13017/TTr-STC ngày 09/09/2026	3300/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng /lần theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT					1399/QĐ-BTC				
21	2.002017	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	11212/TTr-STC ngày 12/8/2026	3008/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	13017/TTr-STC ngày 09/09/2026	3300/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng /lần theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT					1399/QĐ-BTC				
22	2.002015	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	11212/TTr-STC ngày 12/8/2026	3008/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	13017/TTr-STC ngày 09/09/2026	3300/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng /lần theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT					1399/QĐ-BTC				

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Cấp thực hiện	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ công bố	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ QTNB	Văn bản cập nhật PDG	Số quy trình	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Trạng thái	QĐ công bố DVCTT	TT/MP	Đơn giản hóa	Thời gian thực hiện theo quy trình	Tỷ lệ thời gian cắt giảm	Thời gian giải quyết sau cắt giảm	Thực hiện công Bộ TC	QĐ của Bộ TC	QĐ của tỉnh	Cấp đc phân	DVCQG
23	2.002029	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với doanh nghiệp, chi nhánh, địa điểm kinh doanh, thông báo tạm ngừng hoạt động, tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo đối với văn phòng đại diện	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	11212/TTr-STC ngày 12/8/2026	3008/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	13017/TTr-STC ngày 09/09/2026	3300/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - Tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo: Không được quy định tại Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC. - Tạm ngừng kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).L28		Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT					1399/QĐ-BTC				
24	2.002023	Giải thể doanh nghiệp, giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	11212/TTr-STC ngày 12/8/2026	3008/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	13017/TTr-STC ngày 09/09/2026	3300/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		2	- Thông báo giải thể: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đăng ký giải thể: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp	Miễn lệ phí.	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT					1399/QĐ-BTC				
25	2.002020	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	11212/TTr-STC ngày 12/8/2026	3008/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	13017/TTr-STC ngày 09/09/2026	3300/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		2	- Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp trong nước: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.J31	Miễn lệ phí.	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT					1399/QĐ-BTC				
26	2.002016	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp, hiệu đính thông tin trên Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh và các thông tin về đăng ký doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	11212/TTr-STC ngày 12/8/2026	3008/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	13017/TTr-STC ngày 09/09/2026	3300/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Miễn lệ phí.	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT					1399/QĐ-BTC				

[illegible]

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Cấp thực hiện	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ công bố	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ QTNB	Văn bản cập nhật PDG	Số quy trình	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Trạng thái	QĐ công bố DVCTT	TT/MP	Đơn giản hóa	Thời gian thực hiện theo quy trình	Tỷ lệ thời gian cắt giảm	Thời gian giải quyết sau cắt giảm	Thực hiện công Bộ TC	QĐ của Bộ TC	QĐ của tỉnh	Cấp đc phân	DVCQG
35	2.002665	Chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Đầu tư doanh nghiệp nhà nước	Sở Tài chính	Cấp tỉnh		Quyết định số 1999/QĐ-UBND ngày 10/11/2025		2544/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	8017/STC-VP ngày 24/12/2025	1	03 ngày làm việc	Theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 và Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT				cổng tỉnh					
36	2.002666	Chuyển đổi công ty con thành Công ty TNHH MTV	Đầu tư doanh nghiệp nhà nước	Sở Tài chính	Cấp tỉnh		Quyết định số 1999/QĐ-UBND ngày 10/11/2025		2544/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	8017/STC-VP ngày 24/12/2025	1	03 ngày làm việc	Theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 và Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2234/QĐ-UBND ngày 26/6/2026	3	17%	2.5	cổng tỉnh				
37	2.002667	Đăng ký lại Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh của công ty nhà nước, công ty con chưa chuyển đổi	Đầu tư doanh nghiệp nhà nước	Sở Tài chính	Cấp tỉnh		Quyết định số 1999/QĐ-UBND ngày 10/11/2025		2544/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	8017/STC-VP ngày 24/12/2025	1	03 ngày làm việc	Theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 và Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2234/QĐ-UBND ngày 26/6/2026	3	17%	2.5	cổng tỉnh				
38	1.007623	Thủ tục cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc địa phương	Đầu tư doanh nghiệp nhà nước	Sở Tài chính	Cấp tỉnh		Quyết định số 1999/QĐ-UBND ngày 10/11/2025		2544/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	8017/STC-VP ngày 24/12/2025	1	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	Đang hoạt động	1803/QĐ-UBND ngày 07/06/2026	TT	2234/QĐ-UBND ngày 26/6/2026	10	10%	9	cổng tỉnh				
39	1.010060	Thủ tục cấp tạm ứng kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc địa phương	Đầu tư doanh nghiệp nhà nước	Sở Tài chính	Cấp tỉnh		Quyết định số 1999/QĐ-UBND ngày 10/11/2025		2544/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	8017/STC-VP ngày 24/12/2025	1	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	Đang hoạt động	1803/QĐ-UBND ngày 07/06/2026	TT	2234/QĐ-UBND ngày 26/6/2026	10	10%	9	cổng tỉnh				
40	3.000214	Thủ tục xử lý miễn lãi các khoản chậm nộp của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	Đầu tư doanh nghiệp nhà nước	Sở Tài chính	Cấp tỉnh		Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 13/11/2025		2544/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	8017/STC-VP ngày 24/12/2025	1	21 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ		Đang hoạt động	2653/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	TT	1755/QĐ-UBND	30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ	30%	21	cổng tỉnh				
41	1.014565	Đăng ký kinh doanh lần đầu, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, đăng ký cấp lại, hiệu đính thông tin đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.	Đăng ký kinh doanh tổ chức khoa học và công nghệ	Sở Tài chính	Cấp tỉnh		Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 15/10/2025		2453/QĐ-UBND ngày 11/12/2025	8213/STC-VP ngày 27/12/2025	2	Cấp lần đầu/Thay đổi/Hiệu đính: 02 ngày làm việc; Cấp lại: 01 ngày làm việc (kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ).	Miễn lệ phí đăng ký kinh doanh đối với tổ chức khoa học và công nghệ (theo điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025).	Đang hoạt động	1803/QĐ-UBND ngày 07/06/2026	TT				cổng tỉnh					

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Cấp thực hiện	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ công bố	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ QTNB	Văn bản cập nhật PDG	Số quy trình	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Trạng thái	QĐ công bố DVCTT	TT/MP	Đơn giản hóa	Thời gian thực hiện theo quy trình	Tỷ lệ thời gian cắt giảm	Thời gian giải quyết sau cắt giảm	Thực hiện công Bộ TC	QĐ của Bộ TC	QĐ của tỉnh	Cấp đc phân	DVCQG
42	1.115143	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa tổ chức lựa chọn nhà đầu tư hoặc chưa lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	đầu tư tại Việt Nam	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	Tờ trình số 7135/TTr-STC ngày 01/6/2026.	Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 05/6/2026	7906/TTr-STC ngày 15/06/2026; Tờ trình số 9912/TTr-STC ngày 17/7/2026	2713/QĐ-UBND ngày 07/08/2026		1	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	Đang hoạt động		MP					cống tỉnh				
43	1.115144	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa tổ chức lựa chọn nhà đầu tư hoặc chưa lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế	đầu tư tại Việt Nam	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	Tờ trình số 7135/TTr-STC ngày 01/6/2026.	Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 05/6/2026	7906/TTr-STC ngày 15/06/2026; Tờ trình số 9912/TTr-STC ngày 17/7/2026	2713/QĐ-UBND ngày 07/08/2026		1	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	Đang hoạt động		MP					cống tỉnh				
44	1.115145	Thủ tục điều chỉnh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu kinh tế	đầu tư tại Việt Nam	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	Tờ trình số 7135/TTr-STC ngày 01/6/2026.	Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 05/6/2026	7906/TTr-STC ngày 15/06/2026; Tờ trình số 9912/TTr-STC ngày 17/7/2026	2713/QĐ-UBND ngày 07/08/2026		1	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	Đang hoạt động		MP					cống tỉnh				
45	1.115146	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	đầu tư tại Việt Nam	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	Tờ trình số 7135/TTr-STC ngày 01/6/2026.	Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 05/6/2026	7906/TTr-STC ngày 15/06/2026; Tờ trình số 9912/TTr-STC ngày 17/7/2026	2713/QĐ-UBND ngày 07/08/2026		1	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	Đang hoạt động		MP					cống tỉnh				
46	1.115147	Thủ tục áp dụng biện pháp bảo đảm đầu tư.	đầu tư tại Việt Nam	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	Tờ trình số 7135/TTr-STC ngày 01/6/2026.	Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 05/6/2026	7906/TTr-STC ngày 15/06/2026; Tờ trình số 9912/TTr-STC ngày 17/7/2026	2713/QĐ-UBND ngày 07/08/2026		1	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	Đang hoạt động		MP					cống tỉnh				
47	1009642	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	đầu tư tại Việt Nam	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	Tờ trình số 7135/TTr-STC ngày 01/6/2026.	Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 05/6/2026	7906/TTr-STC ngày 15/06/2026; Tờ trình số 9912/TTr-STC ngày 17/7/2026	2713/QĐ-UBND ngày 07/08/2026		1	30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Không	Đang hoạt động		MP					cống tỉnh				

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Cấp thực hiện	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ công bố	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ QTNB	Văn bản cập nhật PDG	Số quy trình	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Trạng thái	QĐ công bố DVCTT	TT/MP	Đơn giản hóa	Thời gian thực hiện theo quy trình	Tỷ lệ thời gian cắt giảm	Thời gian giải quyết sau cắt giảm	Thực hiện công Bộ TC	QĐ của Bộ TC	QĐ của tỉnh	Cấp đc phân	DVCQG
48	1.009644	Thủ tục điều chỉnh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	đầu tư tại Việt Nam	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	Tờ trình số 7135/TTr-STC ngày 01/6/2026.	Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 05/6/2026	7906/TTr-STC ngày 15/06/2026; Tờ trình số 9912/TTr-STC ngày 17/7/2026	2713/QĐ-UBND ngày 07/08/2026		1	17 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Không	Đang hoạt động		MP					cổng tỉnh				
49	1.009645	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	đầu tư tại Việt Nam	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	Tờ trình số 7135/TTr-STC ngày 01/6/2026.	Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 05/6/2026	7906/TTr-STC ngày 15/06/2026; Tờ trình số 9912/TTr-STC ngày 17/7/2026	2713/QĐ-UBND ngày 07/08/2026		2	(1) Trường hợp 1: Áp dụng chung (Điều 35 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (2) Trường hợp 2: Đối với dự án thứ cấp trong khu đô thị, khu du lịch, khu sinh thái mà nhà đầu tư nhận chuyển nhượng có nhu cầu thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư (Điều 103 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	Đang hoạt động		MP					cổng tỉnh				
50	1.009646	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	đầu tư tại Việt Nam	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	Tờ trình số 7135/TTr-STC ngày 01/6/2026.	Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 05/6/2026	7906/TTr-STC ngày 15/06/2026; Tờ trình số 9912/TTr-STC ngày 17/7/2026	2713/QĐ-UBND ngày 07/08/2026		3	- Áp dụng đối với các trường hợp 1 đến trường hợp 7: 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - (*) Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh sau: Trường hợp 8: Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài (Điều 63 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - (*) Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh sau: Trường hợp 9: Điều chỉnh tiến độ thực hiện, thời hạn hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 28 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP hoặc nhà đầu tư có nhu cầu cập nhật thông tin về địa điểm thực hiện dự án đầu tư trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp (Khoản 3 Điều 53 Nghị định số 96/2026/NĐCP): 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	Đang hoạt động		MP					cổng tỉnh				
51	1.009647	Thủ tục hành chính bao gồm: (1) Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (Sở Tài chính thực hiện - mã số 1.009647) và (2) Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (Ban Quản lý thực hiện - mã số 1.009760)	đầu tư tại Việt Nam	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	Tờ trình số 7135/TTr-STC ngày 01/6/2026.	Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 05/6/2026	7906/TTr-STC ngày 15/06/2026; Tờ trình số 9912/TTr-STC ngày 17/7/2026	2713/QĐ-UBND ngày 07/08/2026		3	- Trường hợp 1: Điều chỉnh dự án đầu tư liên quan đến việc thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, tiến độ thực hiện, thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 28 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP hoặc nhà đầu tư có nhu cầu cập nhật thông tin về địa điểm thực hiện dự án đầu tư trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp (Khoản 1 Điều 56 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - Trường hợp 2: Điều chỉnh dự án đầu tư không thuộc nội dung quy định tại khoản 1 Điều 56 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP (Khoản 2 Điều 56 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - Trường hợp 3: Điều chỉnh dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 63 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	Đang hoạt động		MP					cổng tỉnh				

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Cấp thực hiện	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ công bố	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ QTNB	Văn bản cập nhật PDG	Số quy trình	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Trạng thái	QĐ công bố DVCTT	TT/MP	Đơn giản hóa	Thời gian thực hiện theo quy trình	Tỷ lệ thời gian cắt giảm	Thời gian giải quyết sau cắt giảm	Thực hiện công Bộ TC	QĐ của Bộ TC	QĐ của tỉnh	Cấp đc phân	DVCQG
52	1.009664	thủ tục hành chính bao gồm: (1) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (Sở Tài chính thực hiện - mã số 1.009664) và (2) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (Ban Quản lý thực hiện - mã số 1.009756) thành “Thủ tục cấp Giấy	đầu tư tại Việt Nam	Sở Tài chính -BQL	Cấp tỉnh	Tờ trình số 7135/TTr-STC ngày 01/6/2026.	Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 05/6/2026	7906/TTr-STC ngày 15/06/2026; Tờ trình số 9912/TTr-STC ngày 17/7/2026	2713/QĐ-UBND ngày 07/08/2026		3	- Trường hợp 1: Đối với dự án đầu tư không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (Điều 39 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 2: Đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư và nhà đầu tư đã trúng đấu giá, trúng thầu; dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Luật Đầu tư và thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 3: Đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhưng nhà đầu tư có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Khoản 4 Điều 38 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 4: Đối với dự án thứ cấp trong khu đô thị, khu du lịch, khu sinh thái mà nhà đầu tư nhận chuyển nhượng có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Điều 103 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Không	Đang hoạt động		MP				cổng tỉnh					
53	1.009659	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	đầu tư tại Việt Nam	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	Tờ trình số 7135/TTr-STC ngày 01/6/2026.	Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 05/6/2026	7906/TTr-STC ngày 15/06/2026; Tờ trình số 9912/TTr-STC ngày 17/7/2026	2713/QĐ-UBND ngày 07/08/2026		1	17 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	Đang hoạt động		MP					cổng tỉnh				
54	1.009655	Chứng nhận đăng ký đầu tư Hợp nhất các thủ tục hành chính bao gồm: (1) Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Sở Tài chính thực hiện - mã số 1.009665) và (2) Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Ban Quản lý thực hiện - mã số 1.009774) thành “Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy	đầu tư tại Việt Nam	Sở Tài chính -BQL	Cấp tỉnh	Tờ trình số 7135/TTr-STC ngày 01/6/2026.	Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 05/6/2026	7906/TTr-STC ngày 15/06/2026; Tờ trình số 9912/TTr-STC ngày 17/7/2026	2713/QĐ-UBND ngày 07/08/2026		1	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	Đang hoạt động		MP					cổng tỉnh				

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Cấp thực hiện	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ công bố	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ QTNB	Văn bản cập nhật PDG	Số quy trình	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Trạng thái	QĐ công bố DVCTT	TT/MP	Đơn giản hóa	Thời gian thực hiện theo quy trình	Tỷ lệ thời gian cắt giảm	Thời gian giải quyết sau cắt giảm	Thực hiện công Bộ TC	QĐ của Bộ TC	QĐ của tỉnh	Cấp đc phân	DVCQG
55	1.009671	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Hợp nhất các thủ tục hành chính bao gồm: (1) Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Sở Tài chính thực hiện - mã số 1.009671) và (2) Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Ban Quản lý thực hiện - mã số 1.009773) thành “Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư” (sử dụng mã số thủ tục hành chính bao gồm: (1) Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài (Sở Tài chính thực hiện - mã số 1.009729) và (2) Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài (Ban Quản lý thực hiện - mã số 1.009775) thành “Thủ tục góp vốn, đồng BCC	đầu tư tại Việt Nam	Sở Tài chính -BQL	Cấp tỉnh	Tờ trình số 7135/TTr-STC ngày 01/6/2026.	Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 05/6/2026	7906/TTr-STC ngày 15/06/2026; Tờ trình số 9912/TTr-STC ngày 17/7/2026	2713/QĐ-UBND ngày 07/08/2026		1	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	Đang hoạt động		MP					cổng tỉnh				
56	1.009729	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài (Sở Tài chính thực hiện - mã số 1.009729) và (2) Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài (Ban Quản lý thực hiện - mã số 1.009775) thành “Thủ tục góp vốn, đồng BCC	đầu tư tại Việt Nam	Sở Tài chính -BQL	Cấp tỉnh	Tờ trình số 7135/TTr-STC ngày 01/6/2026.	Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 05/6/2026	7906/TTr-STC ngày 15/06/2026; Tờ trình số 9912/TTr-STC ngày 17/7/2026	2713/QĐ-UBND ngày 07/08/2026		1	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	Đang hoạt động		MP					cổng tỉnh				
57	1.009731	Hợp nhất các thủ tục hành chính bao gồm: (1) Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (Sở Tài chính thực hiện - mã số 1.009731) và (2) Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (Ban Quản lý thực hiện - mã số 1.009776) thành “Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của	đầu tư tại Việt Nam	Sở Tài chính -BQL	Cấp tỉnh	Tờ trình số 7135/TTr-STC ngày 01/6/2026.	Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 05/6/2026	7906/TTr-STC ngày 15/06/2026; Tờ trình số 9912/TTr-STC ngày 17/7/2026	2713/QĐ-UBND ngày 07/08/2026		1	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	Đang hoạt động		MP					cổng tỉnh				

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Cấp thực hiện	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ công bố	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ QTNB	Văn bản cập nhật PDG	Số quy trình	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Trạng thái	QĐ công bố DVCTT	TT/MP	Đơn giản hóa	Thời gian thực hiện theo quy trình	Tỷ lệ thời gian cắt giảm	Thời gian giải quyết sau cắt giảm	Thực hiện công Bộ TC	QĐ của Bộ TC	QĐ của tỉnh	Cấp đc phân	DVCQG
58	1.009736	Hợp nhất các thủ tục hành chính bao gồm: (1) Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (Sở Tài chính thực hiện - mã số 1.009736) và (2) Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (Ban Quản lý thực hiện - mã số 1.009777) thành “Thủ tục chấm dứt hoạt động văn	đầu tư tại Việt Nam	Sở Tài chính -BQL	Cấp tỉnh	Tờ trình số 7135/TTr-STC ngày 01/6/2026.	Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 05/6/2026	7906/TTr-STC ngày 15/06/2026; Tờ trình số 9912/TTr-STC ngày 17/7/2026	2713/QĐ-UBND ngày 07/08/2026		1	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	Đang hoạt động		MP					cổng tỉnh				
59	1.009661	(1) Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Sở Tài chính thực hiện - mã số 1.009661) và (2) Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (Ban Quản lý	đầu tư tại Việt Nam	Sở Tài chính -BQL	Cấp tỉnh	Tờ trình số 7135/TTr-STC ngày 01/6/2026.	Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 05/6/2026	7906/TTr-STC ngày 15/06/2026; Tờ trình số 9912/TTr-STC ngày 17/7/2026	2713/QĐ-UBND ngày 07/08/2026		1	03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	Đang hoạt động		MP					cổng tỉnh				
60	1.009662	thủ tục hành chính bao gồm: (1) Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Sở Tài chính thực hiện - mã số 1.009662) và (2) Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư (Ban Quản lý thực hiện - mã số 1.009772) thành “Thủ tục thông báo về việc tự	đầu tư tại Việt Nam	Sở Tài chính -BQL	Cấp tỉnh	Tờ trình số 7135/TTr-STC ngày 01/6/2026.	Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 05/6/2026	7906/TTr-STC ngày 15/06/2026; Tờ trình số 9912/TTr-STC ngày 17/7/2026	2713/QĐ-UBND ngày 07/08/2026		1	03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	Đang hoạt động		MP					cổng tỉnh				

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Cấp thực hiện	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ công bố	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ QTNB	Văn bản cập nhật PDG	Số quy trình	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Trạng thái	QĐ công bố DVCTT	TT/MP	Đơn giản hóa	Thời gian thực hiện theo quy trình	Tỷ lệ thời gian cắt giảm	Thời gian giải quyết sau cắt giảm	Thực hiện công Bộ TC	QĐ của Bộ TC	QĐ của tỉnh	Cấp đc phân	DVCQG
61	1.009491	Thủ tục Trình tự chuẩn bị dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất	đấu thầu, đấu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), lựa chọn nhà đầu tư	Sở Tài chính	Cấp tỉnh		sửa đổi theo Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 15/11/2025		2520/QĐ-UBND ngày 16/12/2025	7751/STC Ngày 19/12/2025	1	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất thực hiện dự án của nhà đầu tư.	Không	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	MP	2234/QĐ-UBND ngày 26/6/2026	5	10	4.5	cổng tỉnh				x
62	1.009492	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán	đấu thầu, đấu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), lựa chọn nhà đầu tư	Sở Tài chính	Cấp tỉnh		sửa đổi theo Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 15/11/2025	7906/TTr-STC ngày 15/06/2026; Tờ trình số 9912/TTr-STC ngày 17/7/2026	2520/QĐ-UBND ngày 16/12/2025	7751/STC Ngày 19/12/2025	2	a) Đối với trình tự đề xuất, thẩm định, phê duyệt dự án BT không yêu cầu thanh toán do nhà đầu tư đề xuất: Thời hạn trả lời bằng văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi và dự thảo hợp đồng: 05 ngày làm việc. b) Đối với trình tự điều chỉnh nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất: Thời hạn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi: Không quá 15 ngày. Thời hạn phê duyệt dự án PPP: Không quá 05 ngày làm việc.	Không	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	MP	2234/QĐ-UBND ngày 26/6/2026	5/20	10	4,5/18	cổng tỉnh				x
63	2.002603	Công bố dự án đầu tư kinh doanh (gồm dự án đầu tư có sử dụng đất) đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất	đấu thầu, đấu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), lựa chọn nhà đầu tư	Sở Tài chính	Cấp tỉnh	11284/TTr-STC ngày 07/08/2026	3024/QĐ-UBND ngày 21/8/2026	tờ trình số 11989/TTr-STC ngày 25/8/2026	3241/QĐ-UBND ngày 10/09/2026		3	Thời hạn phê duyệt hoặc không phê duyệt: + Trung tâm Phục vụ hành chính công báo cáo người có thẩm quyền giao cơ quan, tổ chức, đơn vị tổng hợp, xem xét hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư: trong 02 ngày làm việc. + Sở Tài chính hoặc Ban Quản lý khu kinh tế và khu công nghiệp tiếp nhận hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư: trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ được gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. + Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý khu kinh tế là cơ quan có thẩm quyền phối hợp với các cơ quan xem xét sự phù hợp của hồ sơ đề xuất dự án: trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. + Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý khu kinh tế chấp thuận hoặc không chấp thuận phê duyệt thông tin dự án đầu tư kinh doanh: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trình. + Trung tâm Phục vụ hành chính công trả bản giấy trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho nhà đầu tư: trong thời hạn 02 ngày làm việc.	Không	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	MP	2234/QĐ-UBND ngày 26/6/2026			cổng tỉnh				x	
64	1.012735	Hiện thương giá	quản lý giá	Sở Tài chính	Cấp tỉnh		Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 13/11/2025				2	- Thời hạn rà soát văn bản đề nghị hiệp thương giá: tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hiệp thương giá (tính theo dấu công văn đến hoặc qua dịch vụ công trực tuyến); - Thời hạn để các bên bổ sung thông tin nếu văn bản đề nghị hiệp thương giá không đúng quy định: tối đa 15 ngày làm việc; - Thời hạn tổ chức hiệp thương giá: tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hiệp thương giá đủ điều kiện theo quy định.	không	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT				cổng tỉnh					

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Cấp thực hiện	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ công bố	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ QTNB	Văn bản cập nhật PDG	Số quy trình	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Trạng thái	QĐ công bố DVCTT	TT/MP	Đơn giản hóa	Thời gian thực hiện theo quy trình	Tỷ lệ thời gian cắt giảm	Thời gian giải quyết sau cắt giảm	Thực hiện công Bộ TC	QĐ của Bộ TC	QĐ của tỉnh	Cấp đc phân	DVCQG
65	1.012744	Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	quản lý giá	Sở Tài chính	Cấp tỉnh		Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 13/11/2025				2	- Thời hạn thẩm định phương án giá: Tối đa là 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ bảo đảm điều kiện để thẩm định phương án giá. Trường hợp phức tạp, thời gian tối đa để thẩm định được tính bổ sung tối đa 30 ngày. - Thời hạn trả lời nếu kiến nghị điều chỉnh giá không hợp lý: trong tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Thời hạn trình và ban hành văn bản định giá: + Trường hợp hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá trong tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ do cơ quan thẩm định phương án giá trình. + Trường hợp hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá: Sau khi có khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu, cơ quan thẩm định phương án giá rà soát, trình UBND tỉnh ban hành văn bản định giá cụ thể trong tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ do cơ quan thẩm định phương án giá trình.	không	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT				cổng tỉnh					
66	3.000291	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất	quản lý công sản	Sở Tài chính	Cấp tỉnh		Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 13/11/2025				1	21 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	1755/QĐ-UBND	30 ngày kể từ ngày nhận được Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất hàng năm hoặc Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung	30%	21	cổng tỉnh				
67	2.002058	Xác nhận chuyên gia (Cấp tỉnh)	Nợ và kinh tế đối ngoại (ODA)	Sở Tài chính	Cấp tỉnh		Quyết định số 2036/QĐ-UBND ngày 13/11/2025		2540/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	7895/STC ngày 23/12/2025	1	10,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	1755/QĐ-UBND	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	30%	10,5	cổng tỉnh				
68	1.014316	Hỗ trợ chi phí	Hỗ trợ đầu tư	Sở Tài chính	Cấp tỉnh		Quyết định số 1810/QĐ-UBND ngày 28/10/2025		2439/QĐ-UBND ngày 10/12/2025	2146/KKTKC N-VP ngày 25/12/2025	1			Đang hoạt động		TT					cổng tỉnh				
69	1.012835	Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi	chăn nuôi	Sở Tài chính	Cấp tỉnh		Quyết định số 2220/QĐ-UBND ngày 25/11/2025				2	- Thời hạn lập hồ sơ giải ngân gửi tới Kho bạc tỉnh: Tối đa không quá 15 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Thời hạn giải ngân khoản kinh phí hỗ trợ: Tối đa 03 ngày làm việc, tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	Chưa quy định	Đang hoạt động	1803/QĐ-UBND ngày 07/06/2026	TT	2234/QĐ-UBND ngày 26/6/2026	18	11%	16					
70	2.002842	Đề nghị hoàn trả số tiền thuê lại đất mà chủ đầu tư đã giảm cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê đất, thuê lại đất tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ.	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Sở Tài chính	Cấp tỉnh		669/QĐ-UBND ngày 05/01/2026				2	- Trường hợp chủ đầu tư được thanh toán bù trừ vào tiền thuê đất phải nộp trong năm: chậm nhất 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp chủ đầu tư được hoàn trả từ ngân sách nhà nước: chậm nhất 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không	Đang hoạt động	1803/QĐ-UBND ngày 07/06/2026	TT	2234/QĐ-UBND ngày 26/6/2026				cổng tỉnh				
71	2.002004	Thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Sở Tài chính	Cấp tỉnh		Quyết định số 2510/QĐ-UBND ngày 15/12/2025				1	10,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	1755/QĐ-UBND	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	30%	10,5	cổng tỉnh				

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Cấp thực hiện	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ công bố	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ QTNB	Văn bản cập nhật PDG	Số quy trình	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Trạng thái	QĐ công bố DVCTT	TT/MP	Đơn giản hóa	Thời gian thực hiện theo quy trình	Tỷ lệ thời gian cắt giảm	Thời gian giải quyết sau cắt giảm	Thực hiện công Bộ TC	QĐ của Bộ TC	QĐ của tỉnh	Cấp đc phân	DVCQG
72	2.002005	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Sở Tài chính	Cấp tỉnh		Quyết định số 2510/QĐ-UBND ngày 15/12/2025				1	10,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	1755/QĐ-UBND	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	30%	10,5	cổng tỉnh				
73	2.000005	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Sở Tài chính	Cấp tỉnh		Quyết định số 2510/QĐ-UBND ngày 15/12/2025				1	10,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	1755/QĐ-UBND	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	30%	10,5	cổng tỉnh				
74	1.000016	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Sở Tài chính	Cấp tỉnh		Quyết định số 2510/QĐ-UBND ngày 15/12/2025				1	10,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	1755/QĐ-UBND	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	30%	10,5	cổng tỉnh				
75	2.000024	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Sở Tài chính	Cấp tỉnh		Quyết định số 2510/QĐ-UBND ngày 15/12/2025				1	10,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	1755/QĐ-UBND	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	30%	10,5	cổng tỉnh				
76	2.001999	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Sở Tài chính	Cấp tỉnh		Quyết định số 2510/QĐ-UBND ngày 15/12/2025				1	2,7 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	1755/QĐ-UBND	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	30%	2,7	cổng tỉnh				
77	2.002418	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Sở Tài chính	Cấp tỉnh		Quyết định số 2510/QĐ-UBND ngày 15/12/2025				1	09 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	1755/QĐ-UBND	14 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	30%	9					
78	1.014566	Đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký, chấm dứt kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.	Đăng ký kinh doanh tổ chức khoa học và công nghệ	Sở Tài chính	Cấp tỉnh		956/QĐ-UBND ngày 11/3/2026				2	Tạm ngừng/Tiếp tục trước thời hạn: 01 ngày làm việc; Chấm dứt kinh doanh: 02 ngày làm việc (kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ).	Không (không nêu phí, lệ phí trong danh mục).	Đang hoạt động						cổng tỉnh					
79	1.014567	Đề nghị thu hồi giấy tờ trong trường hợp có căn cứ xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ là giả mạo.	Đăng ký kinh doanh tổ chức khoa học và công nghệ	Sở Tài chính	Cấp tỉnh		956/QĐ-UBND ngày 11/3/2026				1	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Không (không nêu phí, lệ phí trong danh mục).	Đang hoạt động						cổng tỉnh					

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Cấp thực hiện	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ công bố	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ QTNB	Văn bản cập nhật PDG	Số quy trình	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Trạng thái	QĐ công bố DVCTT	TT/MP	Đơn giản hóa	Thời gian thực hiện theo quy trình	Tỷ lệ thời gian cắt giảm	Thời gian giải quyết sau cắt giảm	Thực hiện công Bộ TC	QĐ của Bộ TC	QĐ của tỉnh	Cấp đc phân	DVCQG
80	2.002635	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.	Thành lập và hoạt động tổ hợp tác, HTX, Liên hiệp HTX	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10965/TTr-STC ngày 09/8/2026.	2976/QĐ-UBND ngày 18/08/2026	Tờ trình số 12110/TTr-STC ngày 27/8/2026	3239/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	2,7 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2643/QĐ-UBND	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10%	2,7	1399/QĐ-BTC	2103/BTC ngày 23/6/25		xã	
81	2.002636	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo.	Thành lập và hoạt động tổ hợp tác, HTX, Liên hiệp HTX	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10965/TTr-STC ngày 09/8/2026.	2976/QĐ-UBND ngày 18/08/2026	Tờ trình số 12110/TTr-STC ngày 27/8/2026	3239/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	2,7 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2643/QĐ-UBND	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10%	2,7	1399/QĐ-BTC	2103/BTC ngày 23/6/25		xã	
82	2.002637	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	Thành lập và hoạt động tổ hợp tác, HTX, Liên hiệp HTX	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10965/TTr-STC ngày 09/8/2026.	2976/QĐ-UBND ngày 18/08/2026	Tờ trình số 12110/TTr-STC ngày 27/8/2026	3239/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2643/QĐ-UBND	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10%	2,7	1399/QĐ-BTC	2103/BTC ngày 23/6/25		xã	
83	2.002638	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	Thành lập và hoạt động tổ hợp tác, HTX, Liên hiệp HTX	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10965/TTr-STC ngày 09/8/2026.	2976/QĐ-UBND ngày 18/08/2026	Tờ trình số 12110/TTr-STC ngày 27/8/2026	3239/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2643/QĐ-UBND	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10%	2,7	1399/QĐ-BTC	2103/BTC ngày 23/6/25		xã	
84	2.002639	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;	Thành lập và hoạt động tổ hợp tác, HTX, Liên hiệp HTX	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10965/TTr-STC ngày 09/8/2026.	2976/QĐ-UBND ngày 18/08/2026	Tờ trình số 12110/TTr-STC ngày 27/8/2026	3239/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2643/QĐ-UBND	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10%	2,7	1399/QĐ-BTC	2103/BTC ngày 23/6/25		xã	
85	2.002641	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động tổ hợp tác, HTX, Liên hiệp HTX	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10965/TTr-STC ngày 09/8/2026.	2976/QĐ-UBND ngày 18/08/2026	Tờ trình số 12110/TTr-STC ngày 27/8/2026	3239/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	2,7 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2643/QĐ-UBND	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10%	2,7	1399/QĐ-BTC	2103/BTC ngày 23/6/25		xã	

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Cấp thực hiện	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ công bố	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ QTNB	Văn bản cập nhật PDG	Số quy trình	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Trạng thái	QĐ công bố DVCTT	TT/MP	Đơn giản hóa	Thời gian thực hiện theo quy trình	Tỷ lệ thời gian cắt giảm	Thời gian giải quyết sau cắt giảm	Thực hiện công Bộ TC	QĐ của Bộ TC	QĐ của tỉnh	Cấp đc phân	DVCQG	
86	2.002642	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động tổ hợp tác, HTX, Liên hiệp HTX	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10965/TTr-STC ngày 09/8/2026.	2976/QĐ-UBND ngày 18/08/2026	Tờ trình số 12110/TTr-STC ngày 27/8/2026	3239/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		2	* Trường hợp thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác: - Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ theo quy định. * Trường hợp đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác: - Trong thời hạn 4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Kết thúc thời hạn 03 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác và ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của tổ hợp tác trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên. Thông tin về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác được Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật.	Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2643/QĐ-UBND	*TH1 Thông báo chấm dứt: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ; TH2 ĐK chấm dứt: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ	10%	2,7-4,5	1399/QĐ-BTC	2103/BTC ngày 23/6/25			xã	
87	2.002643	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động tổ hợp tác, HTX, Liên hiệp HTX	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10965/TTr-STC ngày 09/8/2026.	2976/QĐ-UBND ngày 18/08/2026	Tờ trình số 12110/TTr-STC ngày 27/8/2026	3239/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2643/QĐ-UBND	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10%	2,7	1399/QĐ-BTC	2103/BTC ngày 23/6/25			xã	
88	2.002648	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động tổ hợp tác, HTX, Liên hiệp HTX	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10965/TTr-STC ngày 09/8/2026.	2976/QĐ-UBND ngày 18/08/2026	Tờ trình số 12110/TTr-STC ngày 27/8/2026	3239/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2643/QĐ-UBND	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10%	2,7	1399/QĐ-BTC	2103/BTC ngày 23/6/25			xã	
89	2.002649	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động tổ hợp tác, HTX, Liên hiệp HTX	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10965/TTr-STC ngày 09/8/2026.	2976/QĐ-UBND ngày 18/08/2026	Tờ trình số 12110/TTr-STC ngày 27/8/2026	3239/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ quy định	Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2643/QĐ-UBND	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10%	2,7	1399/QĐ-BTC	2103/BTC ngày 23/6/25			xã	
90	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	Thành lập và hoạt động tổ hợp tác, HTX, Liên hiệp HTX	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10965/TTr-STC ngày 09/8/2026.	2976/QĐ-UBND ngày 18/08/2026	Tờ trình số 12110/TTr-STC ngày 27/8/2026	3239/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	2,7 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2643/QĐ-UBND	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10%	2,7	1399/QĐ-BTC	2103/BTC ngày 23/6/25			xã	
91	2.002123	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động tổ hợp tác, HTX, Liên hiệp HTX	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10965/TTr-STC ngày 09/8/2026.	2976/QĐ-UBND ngày 18/08/2026	Tờ trình số 12110/TTr-STC ngày 27/8/2026	3239/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	2,7 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2643/QĐ-UBND	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10%	2,7	1399/QĐ-BTC	2103/BTC ngày 23/6/25			xã	

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Cấp thực hiện	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ công bố	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ QTNB	Văn bản cập nhật PDG	Số quy trình	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Trạng thái	QĐ công bố DVCTT	TT/MP	Đơn giản hóa	Thời gian thực hiện theo quy trình	Tỷ lệ thời gian cắt giảm	Thời gian giải quyết sau cắt giảm	Thực hiện công Bộ TC	QĐ của Bộ TC	QĐ của tỉnh	Cấp đc phân	DVCQG
92	1.005277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Thành lập và hoạt động tổ hợp tác, HTX, Liên hiệp HTX	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10965/TTr-STC ngày 09/8/2026.	2976/QĐ-UBND ngày 18/08/2026	Tờ trình số 12110/TTr-STC ngày 27/8/2026	3239/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	2,7 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2643/QĐ-UBND	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10%	2,7	1399/QĐ-BTC ngày 23/6/25	2103/BTC ngày 23/6/25		xã	
93	1.004901	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động tổ hợp tác, HTX, Liên hiệp HTX	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10965/TTr-STC ngày 09/8/2026.	2976/QĐ-UBND ngày 18/08/2026	Tờ trình số 12110/TTr-STC ngày 27/8/2026	3239/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	2,7 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2643/QĐ-UBND	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10%	2,7	1399/QĐ-BTC ngày 23/6/25	2103/BTC ngày 23/6/25		xã	
94	1.004979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Thành lập và hoạt động tổ hợp tác, HTX, Liên hiệp HTX	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10965/TTr-STC ngày 09/8/2026.	2976/QĐ-UBND ngày 18/08/2026	Tờ trình số 12110/TTr-STC ngày 27/8/2026	3239/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	2,7 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2643/QĐ-UBND	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10%	2,7	1399/QĐ-BTC ngày 23/6/25	2103/BTC ngày 23/6/25		xã	
95	2.001958	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động tổ hợp tác, HTX, Liên hiệp HTX	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10965/TTr-STC ngày 09/8/2026.	2976/QĐ-UBND ngày 18/08/2026	Tờ trình số 12110/TTr-STC ngày 27/8/2026	3239/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2643/QĐ-UBND	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10%	2,7	1399/QĐ-BTC ngày 23/6/25	2103/BTC ngày 23/6/25		xã	
96	1.005378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động tổ hợp tác, HTX, Liên hiệp HTX	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10965/TTr-STC ngày 09/8/2026.	2976/QĐ-UBND ngày 18/08/2026	Tờ trình số 12110/TTr-STC ngày 27/8/2026	3239/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		1	02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2643/QĐ-UBND	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10%	2,7	1399/QĐ-BTC ngày 23/6/25	2103/BTC ngày 23/6/25		xã	
97	1.004982	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động tổ hợp tác, HTX, Liên hiệp HTX	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10965/TTr-STC ngày 09/8/2026.	2976/QĐ-UBND ngày 18/08/2026	Tờ trình số 12110/TTr-STC ngày 27/8/2026	3239/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		2	- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được nghị quyết giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. - Trong thời hạn 4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể. - Sau thời hạn 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được nghị quyết giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mà không nhận được hồ sơ đăng ký giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.M104	Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2643/QĐ-UBND	TH1 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận nghị quyết giải thể; TH2 05 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ đăng ký giải thể	10%	2,7/4,5	1399/QĐ-BTC ngày 23/6/25	2103/BTC ngày 23/6/25		xã	

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Cấp thực hiện	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ công bố	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ QTNB	Văn bản cập nhật PDG	Số quy trình	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Trạng thái	QĐ công bố DVCTT	TT/MP	Đơn giản hóa	Thời gian thực hiện theo quy trình	Tỷ lệ thời gian cắt giảm	Thời gian giải quyết sau cắt giảm	Thực hiện công Bộ TC	QĐ của Bộ TC	QĐ của tỉnh	Cấp đc phân	DVCQG	
98	1.005010	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động tổ hợp tác, HTX, Liên hiệp HTX	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10965/TTr-STC ngày 09/8/2026.	2976/QĐ-UBND ngày 18/08/2026	Tờ trình số 12110/TTr-STC ngày 27/8/2026	3239/QĐ-UBND ngày 10/9/2026		2	- Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong nước: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh. Kết thúc thời hạn 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác. - Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài: Trong thời hạn 2,7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.	Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT	2643/QĐ-UBND	TH1 Trong nước: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ; TH2 Nước ngoài: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo	10%	4,5/2,7	1399/QĐ-BTC	2103/BTC ngày 23/6/25			xã	
99	2.002226	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động tổ hợp tác, HTX, Liên hiệp HTX	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10968/TTr-STC ngày 09/8/2026.	3001/QĐ-UBND ngày 19/8/2026	Tờ trình số 12098/TTr-STC ngày 26/8/2026	3228/QĐ-UBND ngày 09/9/2026		2	1,Thông báo thành lập tổ hợp tác không đăng ký: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ) 2, Thông báo thay đổi tổ hợp tác không đăng ký: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ)	không	Đang hoạt động	792/QĐ-UBND ngày 11/3/2026	TT					cổng tỉnh	2103/BTC ngày 23/6/25		xã		
100	2.002228	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động tổ hợp tác, HTX, Liên hiệp HTX	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10968/TTr-STC ngày 09/8/2026.	3001/QĐ-UBND ngày 19/8/2026	Tờ trình số 12098/TTr-STC ngày 26/8/2026	3228/QĐ-UBND ngày 09/9/2026		1	01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	không	Đang hoạt động	792/QĐ-UBND ngày 11/3/2026	TT					cổng tỉnh	2103/BTC ngày 23/6/25		xã		
101	2.002668	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động tổ hợp tác, HTX, Liên hiệp HTX	UBND cấp xã	cấp xã		Quyết định số 2643/QĐ-UBND ngày 23/12/2025		667/QĐ-UBND ngày 28/02/2026		1	09 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Đang hoạt động	2543/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	TT	2643/QĐ-UBND	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10%	9	cổng tỉnh	2103/BTC ngày 23/6/25		xã		
102	1.014371	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (sau đây gọi tắt là Quỹ hợp tác xã) địa phương hoạt động theo mô hình hợp tác xã	Thành lập và hoạt động tổ hợp tác, HTX, Liên hiệp HTX	UBND cấp xã	cấp xã		Quyết định số 2643/QĐ-UBND ngày 23/12/2025		667/QĐ-UBND ngày 28/02/2026		1			Đang hoạt động	2543/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	TT					cổng tỉnh					
103	1.014034	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập Hộ kinh doanh	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10970 /TTr-STC ngày 07/8/2026	2777/QĐ-UBND ngày 12/08/2026				2	* Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; * Bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. (Trường hợp hồ sơ được tiếp nhận trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh sau giờ hành chính hoặc vào ngày nghỉ, ngày lễ, Tết theo quy định thì thời hạn trả kết quả giải quyết thủ tục đăng ký hộ kinh doanh quy định tại Nghị định số 168/2025/NĐ-CP được tính từ ngày làm việc kể tiếp của ngày hồ sơ được tiếp nhận.)	Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT					1399/QĐ-BTC					
104	1.014035	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập Hộ kinh doanh	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10970 /TTr-STC ngày 07/8/2026	2777/QĐ-UBND ngày 12/08/2026				1	Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ	Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT					1399/QĐ-BTC					

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Cấp thực hiện	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ công bố	Tờ trình của Sở Tài chính	QĐ QTNB	Văn bản cập nhật PDG	Số quy trình	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Trạng thái	QĐ công bố DVCTT	TT/MP	Đơn giản hóa	Thời gian thực hiện theo quy trình	Tỷ lệ thời gian cắt giảm	Thời gian giải quyết sau cắt giảm	Thực hiện công Bộ TC	QĐ của Bộ TC	QĐ của tỉnh	Cấp đc phân	DVCQG
105	1.001612	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Thành lập Hộ kinh doanh	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10970 /TTr-STC ngày 07/8/2026	2777/QĐ-UBND ngày 12/08/2026				1	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ	Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT					1399/QĐ-BTC	2102/ BTC ngày 23/6/25		xã	
106	2.000720	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập Hộ kinh doanh	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10970 /TTr-STC ngày 07/8/2026	2777/QĐ-UBND ngày 12/08/2026				1	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ	Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT					1399/QĐ-BTC	2102/ BTC ngày 23/6/25		xã	
107	1.001570	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	Thành lập Hộ kinh doanh	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10970 /TTr-STC ngày 07/8/2026	2777/QĐ-UBND ngày 12/08/2026				1	Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ	Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT					1399/QĐ-BTC	2102/ BTC ngày 23/6/25		xã	
108	1.001266	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Thành lập Hộ kinh doanh	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10970 /TTr-STC ngày 07/8/2026	2777/QĐ-UBND ngày 12/08/2026				1	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT					1399/QĐ-BTC	2102/ BTC ngày 23/6/25		xã	
109	2.000575	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập Hộ kinh doanh	UBND cấp xã	cấp xã	Tờ trình số 10970 /TTr-STC ngày 07/8/2026	2777/QĐ-UBND ngày 12/08/2026				2	- Trường hợp hộ kinh doanh đã được cấp bản giấy Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh có nhu cầu được cấp lại Giấy này do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác: trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. - Các trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.K116	Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC).	Đang hoạt động	498/QĐ-UB 30/7/2025	TT					1399/QĐ-BTC	2102/ BTC ngày 23/6/25		xã	
110	3.000256	Chuyển giao công trình diện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật	quản lý công sản	UBND cấp xã	cấp xã		Quyết định số 2825/QĐ-UBND ngày 31/12/2025		381/QĐ-UBND ngày 30/01/2025	1557/ STC-VP ngày 03/02/2026	1			Đang hoạt động	2543/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	TT					cổng tỉnh				
111	1.013040	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	chính sách thuế, phí, lệ phí	UBND cấp xã	cấp xã		Quyết định số 2643/QĐ-UBND ngày 23/12/2025		667/QĐ-UBND ngày 28/02/2026		1	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Không	Đang hoạt động	1803/QĐ-UBND ngày 07/06/2026	TT	2643/ QĐ-UBND	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	10%	9	cổng tỉnh	2113/ BTC ngày 23/6/2025		Cấp tỉnh/Cấp xã	
112	1.005412	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	kinh doanh bảo hiểm	UBND cấp xã	cấp xã		Quyết định số 2791/QĐ-UBND ngày 30/12/2025				1	45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Chưa quy định	Đang hoạt động	1803/QĐ-UBND ngày 07/06/2026	TT					cổng tỉnh				
113	1.012996	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	tài chính đất đai	UBND cấp xã	cấp xã						1	01 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Không	Đang hoạt động	1803/QĐ-UBND ngày 07/06/2026	MP					cổng tỉnh				
114	1.012995	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	tài chính đất đai	UBND cấp xã	cấp xã						1	Cùng với thời hạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Nghị định về cấp giấy chứng nhận	Không	Đang hoạt động	1803/QĐ-UBND ngày 07/06/2026	MP					cổng tỉnh				

[illegible]